



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Khái quát quy định pháp luật quốc tế và luật Việt Nam về quyền tiếp cận nước sạch

Nguyễn Thị Bảo Anh^{1*}

¹Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Thị Bảo Anh (email: ntbanh@gmail.com)

Ngày nhận bài: 14/12/2023

Ngày phản biện: 18/01/2024

Ngày duyệt đăng: 29/01/2024

Title: Overview of international law regulations and Vietnamese law regarding the right to access clean water

Keywords: inevit, right to water, right to clean water

Từ khóa: nguồn sống thiết yếu, quyền sử dụng nước, quyền sử dụng nước sạch

ABSTRACT

The right to clean water or the right to water is recognized and protected under international and national laws, including Vietnam. Unfortunately, many people still face challenges in accessing safe and clean water. As a human right, water should be of acceptable quality and quantity and easily accessible. Governments have a role in ensuring their citizens enjoy their right to safe and clean water. Vietnam is no exception to the challenges facing many countries in ensuring their citizens have access to safe and clean water. Even though Vietnam is a signatory to international treaties recognizing water as a human right, it still faces difficulties in ensuring all the people of Vietnam enjoy this right. The 2017 Law on Water Resources and the 2020 Law on Environmental Protection of Vietnam have partly solved the problem related to the right to clean water in a time of water pollution. The article used the method of synthesizing, analyzing and comparing international and national provisions on the right to clean water in the time of environmental pollution to propose some solutions related to the right to clean water.

TÓM TẮT

Quyền tiếp cận nước sạch hay quyền sử dụng nước được công nhận và bảo vệ theo luật pháp quốc tế và pháp luật quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều người vẫn phải đối mặt với những thách thức trong việc tiếp cận nước sạch và an toàn. Sử dụng nước là quyền của con người, nên nước phải có chất lượng và số lượng hợp lý và dễ dàng tiếp cận. Chính phủ có vai trò đảm bảo công dân của quốc gia đó được hưởng quyền sử dụng nước sạch và an toàn. Việt Nam cũng không tránh khỏi những

thách thức mà nhiều quốc gia phải đối mặt trong việc đảm bảo người dân được tiếp cận với nước sạch và an toàn. Mặc dù Việt Nam đã ký kết các điều ước quốc tế công nhận nước là quyền con người nhưng vẫn đang phải đối mặt với những khó khăn trong việc đảm bảo tất cả người dân được hưởng quyền này. Luật về Tài nguyên nước năm 2017 và Luật Bảo vệ môi trường 2020 của Việt Nam đã giải quyết được phần nào vấn đề liên quan đến quyền về nước sạch trong bối cảnh nguồn nước bị ô nhiễm như hiện nay. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh các quy định pháp luật quốc tế và quy định quốc gia liên quan đến quyền về nước sạch trong bối cảnh môi trường đang bị ô nhiễm nhằm đề xuất một số giải pháp liên quan đến quyền được sử dụng nước sạch.

1. GIỚI THIỆU

Có khá nhiều khái niệm về nước sạch. Việc định nghĩa và quy định các tiêu chí về nước sạch phụ thuộc vào nhiều yếu tố của mỗi quốc gia. Hầu hết các nơi đều chấp nhận định nghĩa có tính khái quát chung về nước sạch. Đó là: “Nước sạch là nước hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn cho sức khỏe, nước trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa vi sinh vật gây bệnh và các chất độc hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng” (Collinsdictionary). Ở Việt Nam, nước sạch là nước đã qua hệ thống xử lý của nhà máy, đảm bảo các chỉ tiêu theo Thông tư 05/2009/TT-BYT ban hành QCVN 02:2009/BYT, độ an toàn trước khi đưa đến cho con người sử dụng. Nước sạch là nước đã qua xử lý, không màu, không mùi, không vị, không chứa vi khuẩn và các vi sinh vật gây bệnh cho cơ thể. Nước sạch giúp quá trình ăn uống, sinh hoạt của mọi người dân được đảm bảo, bảo vệ an toàn và tránh ảnh hưởng tới sức khỏe. Bộ Y tế đã đưa ra các tiêu chuẩn cho nguồn nước sạch như màu sắc, mùi vị, độ trong, độ kiềm, độ cứng, chất rắn hòa tan, hàm lượng chất vô cơ, vi sinh vật, mức nhiễm xạ,... Do đó, nước sạch là

nước có chỉ số nồng độ các chất dưới hoặc bằng mức cho phép của Bộ Y tế đưa ra [4]. Nước là nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá, là nguồn sống thiết yếu của con người và đông đảo những loài sinh vật trên Trái đất. Hiện nay, môi trường nước đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguyên nhân chính do tác động của con người trong quá trình sinh hoạt đã thải chất thải ảnh hưởng đến nguồn nước.

Theo như Tổ chức y tế thế giới thì 80% các bệnh nguy hiểm con người mắc phải gây ra bởi nguồn nước nhiễm bẩn. Tại Việt Nam, tỷ lệ hộ dân được tiếp cận nước máy hiện nay chỉ chiếm khoảng 52%, đặc biệt, tỷ lệ này ở thành thị là 84,2%, trong khi đó, tại nông thôn chỉ đạt 34,8%. Theo ước tính của UNICEF [13]. Việt Nam có khoảng 52% trẻ em, tương đương với 17 triệu trẻ em chưa được sử dụng nước sạch. Thiếu nước sạch và vệ sinh kém được xem là nguyên nhân hàng đầu khiến 44% trẻ em bị nhiễm giun và 27% trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng [6]. Nước có vai trò trung gian trong tất cả các hoạt động trao đổi chất trong cơ thể. Nên chất lượng nguồn nước quyết định trực tiếp đến sức khỏe con người. Con người sẽ không có

sức khỏe và hạnh phúc nếu thiếu nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường không tốt. Phải sử dụng nước sạch để phòng được các bệnh như: tiêu chảy, các bệnh về mắt, các bệnh về da, viêm gan,... Vì vậy bảo vệ nguồn nước sạch là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với mỗi cá nhân, tổ chức [5]. Nhận thức được tầm quan trọng của nước trong sinh hoạt, Liên Hợp Quốc đã chọn ngày 22 tháng 3 hàng năm là Ngày Nước sạch Thế giới. Ngày này đã được tổ chức hàng năm kể từ năm 1993. Mục đích cốt lõi của ngày này là để nâng cao nhận thức về việc phân lớn dân số không được tiếp cận với nước sạch. Ước tính có khoảng 2,2 tỷ người trên thế giới không được tiếp cận với nước sạch. Ngày Nước sạch Thế giới có ý nghĩa quan trọng trong việc đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững 6: Nước và vệ sinh cho tất cả mọi người vào năm 2030 (UN-Water) [14].

Trong bốn thập kỷ qua, lượng nước sử dụng đã tăng khoảng 1% mỗi năm. Chương trình đánh giá nước thế giới của UNESCO 2023 ước tính tốc độ tăng trưởng tương tự sẽ tiếp tục đến năm 2050 [7]. Tình trạng khan hiếm nước ngày càng trở nên rõ rệt hơn trên toàn cầu. Xu hướng này sẽ dẫn đến tình trạng nước trở nên khan hiếm ở các khu vực hiện có sẵn nguồn nước, ví dụ như Trung Phi, Đông Á và một số vùng ở Nam Mỹ. Mặt khác, đối với các khu vực vốn đang gặp phải những thách thức về tiếp cận nguồn nước, chẳng hạn như Trung Đông và khu vực Sahel, vấn đề thiếu nước lại càng nghiêm trọng hơn. Hiện nay, ước tính rằng 10% dân số thế giới sống ở những khu vực có nguy cơ thiếu nước. Trong khi đó, dữ liệu về chất lượng nước toàn cầu là không đủ. Thách thức này rất rõ rệt ở châu Á và châu Phi – nơi tập trung hầu hết các nước kém phát triển nhất. Hơn nữa, các vấn đề liên quan đến chất lượng nước kém còn tồn tại

ở tất cả các quốc gia (các quốc gia có thu nhập thấp, trung bình và cao). Ở các nước thu nhập thấp, vấn đề chất lượng nước có liên quan đến việc xử lý nước thải chưa hoàn thiện; còn ở các nước thu nhập cao, vấn đề liên quan đến các hoạt động nông nghiệp [7].

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính qua tổng hợp, phân tích, so sánh các quy định trong nước và quốc tế về quyền sử dụng nước sạch trong thời kỳ ô nhiễm môi trường để đề xuất một số giải pháp liên quan đến quyền sử dụng nước sạch.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Quy định về quyền sử dụng nước sạch ở một số nước trên thế giới

Quyền sử dụng nước được bảo vệ bởi luật nhân quyền quốc tế. Mặc dù quyền sử dụng nước không được đề cập rõ ràng. Trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948, Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966, và Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966. Tuy nhiên, quyền này được ngụ ý thông qua các quyền con người khác, chẳng hạn như quyền sống, quyền có mức sống đầy đủ và quyền được chăm sóc sức khỏe [8].

Nước – là quyền của con người, vì vậy phải đủ số lượng. Nước có sẵn phải đủ để phục vụ nhu cầu uống, giặt giũ, tắm rửa, vệ sinh và nấu nướng của mọi người. Tổ chức Y tế Thế giới cho rằng ở các nước đang phát triển, một người cần khoảng 20 đến 30 lít nước mỗi ngày. Dữ liệu của Tổ chức Y tế Thế giới ước tính mức sử dụng nước mỗi người để duy trì tỷ lệ sống tối thiểu trong vài ngày ở mức 3-4 lít nước để uống mỗi ngày và 2-3 lít nước dùng cho nấu ăn và vệ sinh mỗi ngày. Hơn nữa, ước tính mức sử dụng nước tối thiểu của một cá nhân lý tưởng trong

vài tháng là mỗi ngày cần 3-4 lít nước uống, 2-3 lít dùng để nấu nướng, 6-7 lít phục vụ cho vệ sinh và 4-6 lít để giặt giũ [8], lưu ý thêm rằng nước có sẵn không được gây nguy hiểm cho sức khỏe của người dùng.

Mặc dù chất lượng nước có thể khác nhau tùy theo mục đích sử dụng (ví dụ: nước giặt có thể có chất lượng thấp hơn nước uống), nhưng không phải là mối nguy hiểm cho sức khỏe. Ngoài ra, nước phải dễ tiếp cận. Quyền tiếp cận nước có thể xem xét từ ba chiều. Khía cạnh đầu tiên là khả năng tiếp cận vật lý của nước. Một trong những cách mà một cá nhân có thể hưởng đầy đủ quyền tiếp cận nước là khoảng cách vật lý của nguồn nước. Nguồn nước phải gần người sử dụng. Trong trường hợp một cá nhân phải đi một quãng đường dài để tìm kiếm nước, thì người đó không thể được cho là có quyền hưởng nước một cách hợp lý. Khía cạnh thứ hai của khả năng tiếp cận nước là chi phí nước. Trong trường hợp các cá nhân phải mua nước, giá nước không được quá cao, buộc họ sử dụng nước không an toàn hoặc từ bỏ các quyền cơ bản khác để có đủ tiền mua nước. Khía cạnh cuối cùng của khả năng tiếp cận nước là những người khuyết tật, dễ bị tổn thương và yếu thế trong xã hội phải tiếp cận được nước dễ dàng. Nhóm thiệt thòi này không nên phải đối mặt với những thách thức khi cố gắng tiếp cận nước để được hưởng sự bảo vệ quyền sử dụng nước của họ [8].

Quyền sử dụng nước, như được đề cập trong Bình luận chung số 15 của Liên hợp quốc: Quyền sử dụng nước (2002), gắn liền với các điều 11 và 12 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều 11(1) của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966) bắt buộc các quốc gia ký kết công ước phải đảm bảo rằng tất cả công dân của mình có thể tiếp cận với mức sống đầy đủ, bao

gồm tiếp cận với thực phẩm, quần áo và nhà ở. Ngoài ra, Điều 12 (1) còn nêu rõ rằng các quốc gia tham gia công ước sẽ đảm bảo rằng công dân của họ được hưởng tiêu chuẩn cao nhất có thể về sức khỏe thể chất và tinh thần. Tiếp cận nước đầy đủ và an toàn cho tất cả các mục đích sử dụng góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định trong Điều 11 và 12. Hơn nữa, E/C.12/2002/11 Bình luận chung số 15: Quyền sử dụng nước (Điều 11 và 12 của Công ước) đã được thông qua tại Phiên họp thứ hai mươi chín của Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, vào ngày 20 tháng 1 năm 2003. Điều 1 của Bình luận chung 15 lưu ý rằng nước không chỉ là nguồn tài nguyên có hạn mà còn là nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống con người. Bài báo lưu ý rằng việc tiếp cận nguồn nước an toàn và đầy đủ là một yêu cầu để có một cuộc sống xứng đáng và góp phần duy trì các quyền con người khác.

Điều 12 của Bình luận chung 15: Quyền sử dụng nước nêu ra các điều kiện quan trọng phải được đáp ứng để duy trì quyền sử dụng nước. (a) Tính sẵn có: Mỗi cá nhân phải có đủ nước cho tất cả các mục đích sử dụng tùy thuộc vào nhu cầu của họ và cũng phù hợp với hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới. Các cá nhân khác nhau có các yêu cầu về nước khác nhau, ví dụ, tùy thuộc vào lối sống, giới tính, tuổi tác và thậm chí cả tình trạng sức khỏe của họ; (b) Chất lượng: Nước phải an toàn đối với mọi mục đích sử dụng. Mọi người phải được đảm bảo tiếp cận với nguồn nước không bị ô nhiễm, nếu không sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe của người sử dụng nước. Một số chất gây ô nhiễm đáng kể bao gồm nước thải công nghiệp, vi sinh vật, hóa chất,... Ngoài ra, nước phải có màu sắc, mùi và vị chấp nhận được. Mỗi cá nhân có quyền tiếp cận nước mà không có bất kỳ hình thức phân

biệt đối xử nào. Về khả năng tiếp cận nước, bình luận chung 15 giải quyết vấn đề này theo bốn tiêu mục: (i) Khả năng tiếp cận vật lý: Nguồn nước phải dễ dàng tiếp cận và an toàn cho mọi thành viên trong xã hội; (ii) Khả năng tiếp cận kinh tế: Chi phí nước phải phù hợp với khả năng chi trả của mọi thành viên trong xã hội. Chi phí nước không được xâm phạm vào việc thực hiện các quyền con người khác dưới bất kỳ hình thức nào; (iii) Không phân biệt đối xử: Tất cả các thành viên của xã hội đều có quyền tiếp cận nước mà không có bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào; (iv) Khả năng tiếp cận thông tin: Tất cả các thành viên của xã hội đều có quyền tiếp cận tự do với tất cả các dạng thông tin liên quan đến nước.

Chính phủ các nước có vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa quyền con người này. Bởi lẽ, mọi chính phủ đều có nghĩa vụ bảo vệ các quyền con người cơ bản của mỗi người. Đầu tiên là, chính phủ các nước phải cố gắng không được thực hiện bất kỳ hành động nào gây cản trở việc hưởng các quyền con người. Có nghĩa là không chính phủ nào được phép từ chối một cách hợp pháp việc ai đó tiếp cận với nước uống sạch và an toàn, đây được xem là vi phạm các quyền cơ bản của con người. Thứ hai là, chính phủ các nước có nghĩa vụ đảm bảo rằng các bên thứ ba không xâm phạm quyền sử dụng nước. Điều này đòi hỏi chính phủ các nước phải thông qua luật cấm gây ô nhiễm nước và bất kỳ hành động nào có thể cản trở việc tiếp cận nước sạch và an toàn. Vai trò thứ ba của nhà nước là đảm bảo công dân của mình được hưởng quyền sử dụng nước. Chính phủ phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để đảm bảo nguồn nước sạch và an toàn. Chính phủ các nước có thể thực hiện các bước như xây dựng các nhà máy xử lý nước và giếng nước khi cần thiết [8].

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2010, trong Đại hội lần thứ 64 (cuộc họp lần thứ 108), Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua nghị quyết công nhận việc tiếp cận với vệ sinh nước sạch là một quyền của con người. Trong cuộc bỏ phiếu, 122 quốc gia đã bỏ phiếu ủng hộ nghị quyết; không có quốc gia nào bỏ phiếu chống, nhưng có 41 quốc gia bỏ phiếu trắng. Tài liệu sửa đổi bằng miệng kêu gọi các quốc gia thành viên phân bổ đầy đủ "nguồn tài chính, xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, trong việc nhân rộng các nỗ lực cung cấp nước uống và vệ sinh an toàn, sạch sẽ, dễ tiếp cận và giá cả phải chăng cho tất cả mọi người" [9]. Trong phiên họp, ghi nhận 884 triệu người trên toàn cầu không được tiếp cận với nước uống an toàn. Ngoài ra, 2,6 tỷ người không được tiếp cận với điều kiện vệ sinh cơ bản. Đại hội đồng nhắc lại quan điểm rằng việc tiếp cận với nước uống đầy đủ, an toàn là quyền của con người. Hơn nữa, Đại hội đồng cũng nêu lên mối lo ngại rằng khoảng 1,5 triệu trẻ em dưới năm tuổi tử vong hàng năm do các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh [9].

Nghị quyết 64/292. Quyền con người đối với nước và vệ sinh của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc được thông qua trong Kỳ họp lần thứ 64:

1) Công nhận quyền có nước uống sạch, an toàn và vệ sinh là một quyền con người cần thiết để được hưởng thụ trọn vẹn cuộc sống và mọi quyền con người;

2) Kêu gọi các quốc gia và tổ chức quốc tế cung cấp nguồn tài chính, xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ, thông qua hỗ trợ và hợp tác quốc tế, đặc biệt là cho các nước đang phát triển, nhằm tăng cường nỗ lực cung cấp vệ sinh và nước uống sạch, an toàn, dễ tiếp cận và giá cả phải chăng cho tất cả mọi người;

3) Hoan nghênh quyết định của Hội đồng Nhân quyền yêu cầu chuyên gia độc lập về các nghĩa vụ nhân quyền liên quan đến việc tiếp cận nước uống và vệ sinh an toàn nộp báo cáo hàng năm cho Đại hội đồng, và khuyến khích chuyên gia tiếp tục làm việc trên tất cả các khía cạnh của nhiệm vụ của mình và tham khảo ý kiến của tất cả các cơ quan, quỹ và chương trình liên quan của Liên Hợp Quốc, để đưa vào báo cáo của mình cho Đại hội đồng, tại kỳ họp lần thứ 66, những thách thức chính liên quan đến việc thực hiện quyền con người đối với nước uống sạch, an toàn và vệ sinh cũng như tác động của vấn đề này đến việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ [10].

Rõ ràng từ nghị quyết này, Liên Hợp Quốc đã thừa nhận rằng việc tiếp cận với nước uống sạch, an toàn là một phần quan trọng để một người có thể tận hưởng cuộc sống và các quyền con người khác. Ngoài ra, Liên Hợp Quốc công nhận rằng các chính phủ riêng lẻ phải phân bổ nguồn lực để cung cấp nước uống sạch và an toàn cho công dân của họ. Hơn nữa, Đại hội đồng hoan nghênh quyết định của Hội đồng Nhân quyền về việc có một chuyên gia độc lập nộp báo cáo hàng năm cho Đại hội đồng về tình trạng tiếp cận nước uống và vệ sinh an toàn ở các nước thành viên. Ngoài ra, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ cụ thể liên quan đến quyền sử dụng nước an toàn. Các quốc gia này bắt buộc phải thông qua luật để:

Một là, đảm bảo tiếp cận với lượng nước thiết yếu tối thiểu, đủ và an toàn cho mục đích sử dụng cá nhân và sinh hoạt để ngăn ngừa bệnh tật;

Hai là, đảm bảo quyền tiếp cận với nước sạch và các cơ sở và dịch vụ về nước trên cơ sở không phân biệt đối xử, đặc biệt đối với các nhóm người khuyết tật hoặc yếu thế;

Ba là, đảm bảo tiếp cận vật lý với các cơ sở hoặc dịch vụ cung cấp nước đầy đủ, an toàn và thường xuyên;

Bốn là, đảm bảo phân phối công bằng tất cả các cơ sở và dịch vụ nước an toàn có sẵn; e. thực hiện các biện pháp phòng ngừa, điều trị và kiểm soát các bệnh và khuyết tật liên quan đến nước, đặc biệt là đảm bảo chất lượng nước [1].

Vào tháng 9 năm 2015, tất cả 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc đã thông qua “Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”. Chương trình nghị sự này, còn được gọi là chương trình nghị sự năm 2030, là một kế hoạch hành động để đảm bảo phát triển bền vững cho tất cả các quốc gia vào năm 2030, không để ai bị bỏ lại phía sau. Kế hoạch hành động này gắn liền với 17 mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn 2015-2030. Các vấn đề liên quan đến quyền tiếp cận nước uống an toàn và sạch sẽ được ghi nhận theo mục tiêu phát triển bền vững số 6. Mục tiêu phát triển bền vững số 6, Đảm bảo tính sẵn có và quản lý bền vững nước và vệ sinh cho tất cả mọi người. Mục tiêu phát triển bền vững số 6 gắn liền với tám mục tiêu. Mỗi chính phủ quyết định cách đưa tám mục tiêu vào chương trình nghị sự phát triển của mình để đạt được Mục tiêu 6 vào năm 2030. Các mục tiêu bao gồm: (i) Đạt được khả năng tiếp cận với nước uống an toàn và giá cả phải chăng; (ii) Đạt được khả năng tiếp cận điều kiện vệ sinh và chấm dứt tình trạng phóng uế bừa bãi; (iii) Cải thiện chất lượng nước, xử lý nước thải và sử dụng an toàn; (iv) Tăng hiệu quả sử dụng nước và đảm bảo nguồn cung cấp nước ngọt; (v) Triển khai quản lý tổng hợp tài nguyên nước; (vi) Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái liên quan đến nước; (vii) Mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực; (viii) Hỗ trợ sự tham gia của các bên liên quan [15].

Tổ chức Y tế Thế giới nhắc lại rằng việc tiếp cận với nước và vệ sinh là quyền của con người, điều này đã được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc công nhận vào năm 2010. Hơn nữa, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) lưu ý rằng nước rất quan trọng đối với sức khỏe cộng đồng và nước sạch sẵn có là rất quan trọng trong việc giảm nghèo. Mục tiêu Phát triển Bền vững 6.1 kêu gọi tiếp cận phổ cập và công bằng với nước uống sạch và giá cả phải chăng. Mục tiêu được theo dõi với chỉ số “dịch vụ nước uống được quản lý an toàn”, nước uống từ nguồn nước được cải tiến đặt tại chỗ, có sẵn khi cần thiết và không bị ô nhiễm phân và hóa chất ưu tiên [12].

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, năm 2022, 6 tỷ người trên toàn cầu được tiếp cận với các dịch vụ nước không bị ô nhiễm gần họ. Tuy nhiên, trong cùng thời kỳ, khoảng 2,2 tỷ người không thể tiếp cận nước sạch. Dữ liệu của Tổ chức Y tế Thế giới cho thấy 1,5 tỷ người có thể tiếp cận nước trong 30 phút đi lại; 292 triệu người mất hơn 30 phút để tìm kiếm nước; 296 triệu người đang lấy nước từ các nguồn không được bảo vệ; và 115 triệu người lấy nước mặt chưa qua xử lý [12]. Hơn nữa, theo Cập nhật tiến độ tổng kết năm 2021 của UN-Water 2021 [14]: Mục tiêu 6: Nước và vệ sinh môi trường cho tất cả mọi người, thế giới chưa đi đúng hướng để đạt được Mục tiêu 6 vào năm 2030. Nhiều người sống ở nông thôn và các nước kém phát triển nhất thiếu nước uống an toàn và không được tiếp cận các dịch vụ vệ sinh thiết yếu.

Có những thách thức rõ ràng trong việc đạt được quyền sử dụng nước cho tất cả mọi người trên toàn cầu. Những khó khăn trong việc cung cấp nước ngọt bao gồm “quản lý nước ngọt kém, thiếu quy hoạch, phân phối nước và dịch vụ vệ sinh không đồng đều và tư nhân hóa các dịch vụ nước” [8]. Việc không được tiếp cận

nước sạch và an toàn sẽ cho thấy hậu quả thực sự khi ảnh hưởng đến các khía cạnh khác của cuộc sống. Theo Lifewater (n.d) [11]. Việc thiếu nước sạch và vệ sinh ảnh hưởng đến các gia đình về nhiều mặt. Những gia đình không được tiếp cận với nước sạch và an toàn phải đi rất xa để tìm nước; khi họ uống nước không an toàn sẽ gây ra các bệnh lây truyền qua đường nước và việc điều trị các bệnh lây truyền qua đường nước sẽ ảnh hưởng đến kinh tế gia đình do chi phí y tế.

Mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của việc không thể tiếp cận nguồn nước ngọt và an toàn trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống được chứng minh trong các số liệu thống kê liên quan. Về sức khỏe, các gia đình hầu như phải sử dụng nước bị ô nhiễm do thiếu nước sạch và an toàn. Ước tính rằng trên toàn cầu, cứ hai phút lại có một trẻ em dưới 5 tuổi tử vong vì một căn bệnh có liên quan đến nước vốn có thể tránh được. Ngoài ra, mỗi năm có 829.000 người không chịu nổi các bệnh liên quan đến nước. Hơn nữa, việc thiếu nước sạch và an toàn ảnh hưởng đến quyền được học tập. Trẻ em bỏ học nhiều ngày vì chúng phải đi bộ rất xa để tìm nước. Đối với chúng, đó không phải là vấn đề lựa chọn mà là một điều cần thiết. Ngoài ra, học sinh còn phải nghỉ học khi các em bị bệnh sau khi uống nước bị ô nhiễm. Nữ giới đôi khi phải đối mặt với một thách thức khác vì thiếu nước sạch trong kỳ kinh nguyệt. Họ không thể đến trường trong những ngày này do không có nước để vệ sinh kinh nguyệt [11].

Thiếu nước sạch và an toàn làm tăng mức độ nghèo đói trong cộng đồng [11]. Khi các gia đình phải di chuyển xa và mất nhiều thời gian để tìm kiếm nước sẽ ảnh hưởng đến kinh tế của họ. Bởi lẽ, thời gian quý báu đó vốn dĩ có thể dành cho các hoạt động kinh tế lại phải sử dụng để tìm kiếm nước, do đó ảnh hưởng đến thu

nhập của các gia đình. Ngoài ra, các gia đình buộc phải chi tiền để tìm thuốc chữa trị cho các thành viên bị bệnh lây truyền qua đường nước. Số tiền lẽ ra có thể đã được đầu tư để tăng cường sự ổn định tài chính cuối cùng lại phải sử dụng cho mục đích y tế.

Cuối cùng, theo Lifewater (n.d) [11] việc thiếu nước sạch và an toàn làm gia tăng bất bình đẳng giới. Ở nhiều xã hội trên toàn cầu, phụ nữ và trẻ em gái được giao nhiệm vụ tìm kiếm nước. Khi không thể tiếp cận nước dễ dàng, phụ nữ và trẻ em gái bị thiệt thòi vì họ dành nhiều giờ để tìm kiếm nước thay vì thực hiện các mục đích mang lại lợi ích khác. Ví dụ, nhiệm vụ khó khăn là tìm kiếm nước khiến phụ nữ và trẻ em gái không thể theo đuổi mục tiêu kinh tế và giáo dục. Tình trạng đó khiến phụ nữ rất khó thoát khỏi vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Lifewater (n.d) [11] báo cáo rằng 8% trường hợp tử vong khi sinh được báo cáo trên toàn cầu là do thiếu nước an toàn trong các cơ sở y tế. Hơn nữa, những phụ nữ không chết sẽ phải chiến đấu với bệnh nhiễm trùng nghiêm trọng cùng với đứa con mới sinh của họ.

3.2 Quyền sử dụng nước sạch trong sinh hoạt ở một số quốc gia Đông nam á

Theo Al 'Afgani và Geall (2019) [1], khoảng 110 triệu người ở Đông Nam Á (ASEAN) không được tiếp cận với nước sạch. Tổ chức Y tế Thế giới định nghĩa nước sạch là "nước không gây ra bất kỳ rủi ro đáng kể nào đối với sức khỏe trong suốt thời gian sử dụng và không có mầm bệnh vi khuẩn, hóa chất và chất phóng xạ" (Al 'Afgani & Geall, 2019) [1] Năm 2018, khả năng tiếp cận nước uống an toàn ở ASEAN lần lượt là Singapore 100%, Brunei Darussalam 100%, Việt Nam 98%, Thái Lan 97,8%, Malaysia 96,5%, Philippines 92%, Myanmar 80,2%, Lào 77,5%, Indonesia 72%, và Campuchia 648% (Tờ rơi

thống kê ASEAN được trích dẫn trong Geall, 2019) [1]. Hơn nữa, việc tiếp cận nước sạch không đầy đủ có ở cả dân cư nông thôn và thành thị trong ASEAN. Cũng có những trường hợp tư nhân hóa các dịch vụ nước đã khiến nước trở nên tốn kém và dẫn đến phân phối kém [1].

Trong Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 21 tại Phnom Penh, Campuchia, các quốc gia thành viên ASEAN đã ký Tuyên bố Nhân quyền ASEAN. Theo các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Điều 28 quy định: "Mọi người đều có quyền hưởng mức sống đầy đủ cho bản thân và gia đình... 28(e) Quyền được sử dụng nước uống sạch và vệ sinh" [2]. Tuy nhiên, một số nước ASEAN vẫn còn tồn tại vấn đề ô nhiễm nguồn nước. Chất lượng nước ở ASEAN chịu ảnh hưởng rất lớn từ việc xử lý nước thải công nghiệp do xử lý nước thải không đầy đủ. Cũng có những trường hợp "hoạt động khai thác thoát nước mỏ axit, ô nhiễm và lọc kim loại nặng, xử lý ô nhiễm hóa chất, xói mòn và lắng đọng" ảnh hưởng đến chất lượng nước [1].

Tất cả các thành viên ASEAN đều tham gia ít nhất một hiệp định nhân quyền quốc tế đảm bảo quyền có nước uống sạch. Trong một nỗ lực hơn nữa nhằm duy trì quyền của công dân ASEAN có nước uống an toàn, Ủy ban Liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) đã tổ chức một cuộc họp tham vấn và các quốc gia thành viên ASEAN đã đồng ý tạo ra một mặt trận thống nhất, cố gắng cung cấp nước an toàn [1]. Trong các buổi tham vấn, ông Edmund Bon Tai Soon (Malaysia) lưu ý rằng nhiều người trong ASEAN vẫn chưa được tiếp cận với nước uống an toàn và vệ sinh. Kết thúc buổi tham vấn, các đại biểu đã kết luận như sau:

- Điều 28 (e) của AHRD đảm bảo quyền có nước uống an toàn và vệ sinh là một phần quyền của một người có mức sống đầy đủ.

- Mục tiêu Phát triển Bền vững 6 (Mục tiêu 6) nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận phổ cập, công bằng và đầy đủ đối với nước, vệ sinh và thực hiện vệ sinh cho tất cả mọi người vào năm 2030.

- Theo luật nhân quyền quốc tế, các quốc gia có nghĩa vụ tôn trọng (bằng cách kiềm chế không can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào quyền), bảo vệ (bằng cách ngăn chặn các bên thứ ba can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào vào quyền) và thực hiện (bằng cách áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ) quyền về nước và vệ sinh.

- Quyền có nước uống an toàn và vệ sinh sạch sẽ theo xuyên suốt các đòn bẩy khác của sự phát triển bền vững, như là không phân biệt đối xử, quyền về sức khỏe, quyền thoát nghèo và quyền hòa bình.

- Trong khi tất cả các quốc gia trong khu vực đã đạt được tiến bộ nhanh chóng về việc cung cấp nước và vệ sinh, vẫn còn những thách thức mà người nghèo, cộng đồng nông thôn và người bản địa phải đối mặt trong việc tiếp cận nước uống an toàn và vệ sinh.

- Những thách thức này có thể được khắc phục bằng sự tham gia và hợp tác lớn hơn của các cơ quan ASEAN như AICHR, ASOEN, AWGWRM, SOMRDPE và Hội nghị Quan chức cấp cao về Phát triển Y tế (SOMHD).

- Quyền có nước uống an toàn và vệ sinh đòi hỏi phải có sẵn, dễ tiếp cận, giá cả phải chăng, chấp nhận được, đầy đủ và có chất lượng tốt [3].

3.3 Quyền sử dụng nước sạch trong sinh hoạt theo pháp luật Việt Nam

Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức trong việc cung cấp nước uống an toàn, sạch cho phần lớn người dân. Ví dụ, ước tính có hơn 20 triệu cư dân gặp khó khăn trong việc tiếp cận nước uống sạch và an toàn để sử dụng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, vẫn có những lo ngại rằng

những thách thức này có thể trở nên tồi tệ hơn do các hoạt động của con người và những thay đổi bất thường của biến đổi khí hậu (ICEM, n.d). Một báo cáo của ICEM do Ngân hàng Thế giới ủy quyền nhằm xác định những thách thức về nước uống ở Đồng bằng sông Cửu Long đã phát hiện ra một số mối đe dọa đối với việc tiếp cận nước uống sạch và an toàn. (i) Lũ lụt: Trong mùa mưa, mức độ ô nhiễm cao phát sinh từ trầm tích và các dạng ô nhiễm khác. Do đó, việc xử lý nước trong những điều kiện này là vô cùng khó khăn. Tình hình được dự đoán có khả năng trở nên tồi tệ hơn khi mực nước biển dâng cao do biến đổi khí hậu; (ii) Ô nhiễm mặn: Ô nhiễm mặn cũng được xác định là mối đe dọa đối với việc cung cấp nước uống sạch và an toàn. Cần lưu ý rằng trong mùa khô, độ mặn tăng cao là mối đe dọa đối với việc cung cấp nước uống sạch và an toàn. Tăng độ mặn được cho là do mực nước biển dâng cao liên quan đến biến đổi khí hậu và sự sụt giảm trầm tích nghiêm trọng do việc xây dựng đập và khai thác cát (ICEM, nd). Năng suất của Việt Nam trong tương lai phụ thuộc vào khả năng cung cấp nước sạch, vệ sinh và vệ sinh cá nhân. Ngoài ra, chính phủ Việt Nam đã và đang làm việc chăm chỉ và đạt được thành công đáng kể trong việc triển khai các chiến lược vệ sinh và cung cấp nước sạch. Đến năm 2020, dự kiến Việt Nam sẽ đạt được nguồn nước thiết yếu cho toàn dân vào năm 2030 [13].

Nếu không được kiểm soát, một số hoạt động của con người có thể gây rủi ro cho việc hưởng quyền sử dụng nước vì chúng gây ô nhiễm nguồn nước. Theo CECR.VN (2023), số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam cho thấy Việt Nam thải ra 25 triệu tấn chất thải sinh hoạt rắn mỗi năm. Ngoài ra, báo cáo còn cho thấy sự gia tăng ô nhiễm nguồn nước.

Trong các khu công nghiệp và khu vực nông nghiệp của nước ta, nồng độ các chất độc hại trong nước ngày càng tăng. “Dòng chảy qua các thành phố lớn bị ô nhiễm nặng. Nước ngầm ở nhiều khu vực đã bị ô nhiễm, và khai thác quá mức làm mặn và nồng độ các chất ô nhiễm” [5] Cục Quản lý tài nguyên nước báo cáo, trong năm 2022, Long An và các tỉnh miền Tây đang phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn ngày càng tăng. Nước mặn chảy vào hệ thống sông Vàm Cỏ gây nhiễm mặn ở độ sâu 80-90 km. Việc này đã gây ra tình trạng thiếu nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long [5]. Mối đe dọa hàng đầu đối với quyền được sử dụng nước sạch và an toàn ở Việt Nam là nước thải đô thị. Chỉ có 12,5% lượng nước đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn an toàn trước khi thải ra môi trường. Hơn nữa, nước thải sinh hoạt chiếm 30% trong tổng lượng nước thải đưa vào nguồn nước [5].

Trước tình hình đó, Việt Nam đặt ra nhiều hành lang pháp lý nhằm đảm bảo quyền được sử dụng nước sạch cho người dân. Điển hình là các văn bản pháp luật sau: Luật Tài nguyên nước của Việt Nam số 2012 có giải thích:

“Nước sinh hoạt là nước sạch hoặc nước có thể dùng cho ăn, uống, vệ sinh của con người” (Khoản 11 Điều 2)

“Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước sạch của Việt Nam. (Khoản 12 Điều 2) và Nguồn nước sinh hoạt là nguồn nước có thể cung cấp nước sinh hoạt hoặc có thể xử lý thành nước sinh hoạt” (Khoản 13 Điều 2). Tuy nhiên, luật chưa chi có định nghĩa hay trực tiếp quy định thế nào là quyền sử dụng nước sạch. Ngoài ra, Luật còn thiếu những quy định liên quan đến tiêu chuẩn của mỗi cá nhân về định mức và sự đảm bảo định mức khối lượng nước sạch theo nhu cầu tối thiểu. Những quy định hiện hành chủ yếu quy định cách thức

cách thức dùng, bảo vệ, quản lý tài nguyên nước và xử lý hành vi sai phạm. Việc quy định này chưa thật sự phát quy được khả năng tiếp cận và sử dụng nước sạch của mỗi con người.

Luật đã đề cập đến các vấn đề có thể đe dọa đến việc hưởng quyền sử dụng nước. Việt Nam phải đối mặt với thách thức ô nhiễm nguồn nước. Trên cơ sở đó, chương III – Bảo vệ tài nguyên nước có những quy định khá chặt chẽ bảo vệ nguồn nước nhằm đảm bảo việc người dân được sử dụng nước sạch. Cụ thể, tại Điều 26 có quy định về Phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước và Điều 27 quy định về Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt. Đặc biệt, chi tiết tại Điều 32. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt:

1) Tổ chức, cá nhân không được xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

2) Tổ chức, cá nhân khai thác nước để cấp nước cho sinh hoạt phải thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Thường xuyên quan trắc, theo dõi chất lượng nguồn nước sinh hoạt và bảo đảm chất lượng đối với nguồn nước do mình khai thác;

b) Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

3) Người phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn.

5) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

Đồng thời, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 có những quy định trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc bảo vệ nguồn nước sạch cho cá nhân trong sinh hoạt. Luật có quy định những nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường nước (nước mặt, nước dưới đất). Suy cho cùng, những quy định này hướng tới việc đảm bảo một trong những mục tiêu chính của luật là làm sao duy trì và phát huy nguồn nước chất lượng đảm bảo đời sống “cộng đồng dân cư, hộ gia đình” (Điều 2).

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Bài viết này đã xác định rằng việc tiếp cận nước sạch và an toàn vẫn là một thách thức đáng kể trên toàn cầu. Mặc dù nước đã được công nhận là quyền của con người nhưng không phải tất cả mọi người đều được hưởng quyền này, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Sự sẵn có của nước uống sạch và an toàn là cần thiết để tất cả mọi người có thể tận hưởng cuộc sống chất lượng. Sử dụng nước bị ô nhiễm có liên quan đến nhiều biến chứng sức khỏe trước mắt và lâu dài. Những phát hiện chính là Luật Tài nguyên nước năm 2017 của Việt Nam đã đề cập khá nhiều vấn đề góp phần bảo vệ quyền sử dụng nước. Luật pháp đã cấm các hoạt động có khả năng gây ô nhiễm tài nguyên nước. Hơn nữa, luật đã nêu rõ trách nhiệm của mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội trong việc bảo vệ tài nguyên nước. Đồng thời, Luật Bảo vệ môi

trường 2022 cũng thể hiện rõ ràng mục đích và giải pháp bảo vệ môi trường, trong đó có bảo vệ nguồn nước.

Mặc dù vậy, trên thực tế Việt Nam vẫn đang đối mặt với sự phân hoá khá lớn vấn đề về tiếp cận nguồn nước sạch giữa các vùng, giữa các tầng lớp trong xã hội như đã được phân tích. Như vậy, việc hoạch định và thực hiện các chính sách liên quan đến quyền tiếp cận nguồn nước sạch là cấp bách và cần triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt. Điều này sẽ giải quyết được những vấn nạn hiện nay trong nước và cũng đáp ứng được những quy định chung của quốc tế về quyền nước sạch. Vì lẽ đó, người viết có một số kiến nghị như sau: (i) Cần có những quy định có tính chất chế tài nhằm đảm bảo đơn vị cung cấp nước phải cung cấp đầy đủ nước theo định mức cho mỗi cá nhân (số liệu có tính chất tham khảo hiện nay: 4.000 m³/người/năm và 120 lít nước sạch/người/ngày theo Hội Tài nguyên Nước quốc tế (IWRA)); (ii) Chính phủ cần xem xét quy định “Quyền được tiếp cận/sử dụng nước sạch” và chi tiết hoá quyền này ở các văn bản pháp luật liên quan. Việc quy định này nhằm nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận của người dân và trách nhiệm cung cấp đầy đủ nước và nước sạch của các nhà quản lý; (iii) Có rất nhiều thống kê liên quan đến thiệt hại của cá nhân và tập thể đang gánh chịu do thiếu nguồn nước sạch, đặc biệt là thiệt hại trực tiếp kéo dài đến sức khỏe của người dùng. Do đó, cần thành lập cơ chế bồi thường cụ thể và thiết thực cho trường hợp này. Cần thiết xem những thiệt hại như là một trách nhiệm cần được bồi thường. Ngoài ra, trong trường hợp người sử dụng nguồn nước ô nhiễm bị thiệt hại (sức khỏe) thì khi tham gia khám chữa bệnh cũng cần được Bảo hiểm Y tế thanh toán các chi phí liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Al'Afgani, M., & Geall, S. (2019). *Quyền sử dụng nước an toàn ở Đông Nam Á*. Global Water Partnership. <https://www.gwp.org/en/GWP-South-East-Asia/LEARN/IWRM-Knowledge-Hub/library/external-publications/external-publication-reports/the-right-to-safe-water-in-southeast-asia/>
- [2] Ban Thư ký ASEAN. (2017). *Tuyên bố Nhân quyền ASEAN*. <https://asean.org/asean-human-rights-declaration/>. Truy cập ngày 19/11/2021.
- [3] Ban Thư ký ASEAN. (2017). *ASEAN đề ra một cách tiếp cận chung về quyền đối với nước uống an toàn và vệ sinh*. <https://asean.org/asean-develops-a-common-approach-on-the-right-to-safe-drinking-water-and-sanitation/>. Truy cập ngày 27/10/2017.
- [4] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2023). *Nước sạch là gì: Giải pháp bảo vệ nguồn nước sạch hiện nay*. <https://dangcongsan.vn/xay-dung-xa-hoi-an-toan-truoc-thien-tai/nuoc-sach-la-gi-giai-phap-bao-ve-nguon-nuoc-sach-hien-nay-632544.html>. Truy cập ngày 29/12/2023.
- [5] CECR.VN (2023). *Hiện trạng ô nhiễm rác thải và ô nhiễm nước ở Việt Nam*. <https://cecr.vn/en/current-status-of-waste-pollution-and-water-pollution-in-vietnam/>. Truy cập ngày 8/8/2023.
- [6] Kim Thanh (2023). *Sửa đổi Luật Tài nguyên nước: "Thiếu vắng" nội dung về nước sạch, nước sinh hoạt*. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/sua-doi-luat-tai-nguyen-nuoc-thieu-vang-noi-dung-ve-nuoc-sach-nuoc-sinh-hoat->. Truy cập ngày 04/01/2024.
- [7] Chương trình đánh giá nước thế giới của UNESCO. (2023). *Báo cáo Phát triển Nước của Liên Hợp Quốc năm 2023: quan hệ đối tác và hợp tác về nước*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000384655>.
- [8] *Clean water definition*. <https://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/clean-water>
- [9] Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. (2010a). *Đại hội đồng thông qua Nghị quyết công nhận quyền tiếp cận nước sạch, vệ sinh như quyền con người, với ghi nhận có 122 phiếu ủng hộ, không có phiếu chống, và 41 phiếu trắng*. Sở Thông tin Công cộng. <https://press.un.org/en/2010/ga10967.doc.htm>. Truy cập ngày 29/12/2023.
- [10] Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. (2010b). *Quyền con người đối với nước và vệ sinh: nghị quyết /được Đại hội đồng thông qua*. <https://www.refworld.org/docid/4cc926b02.html>. Truy cập ngày 29/12/2023.
- [11] Lifewater (n.d). *Cuộc khủng hoảng nước*. <https://www.lifewater.org/water-crisis/>.
- [12] Tổ chức Y tế Thế giới. (2023). *Nước uống*. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/drinking-water>
- [13] UNICEF Việt Nam. (2021). *Tuần lễ Nước Thế giới 2021: Gặp gỡ chuyên gia của chúng tôi*. <https://www.unicef.org/vietnam/stories/world-water-week-2021-meet-our-expert>
- [14] UN-Water (n.d). *Ngày Nước sạch Thế giới*. <https://www.unwater.org/our-work/world-water-day>
- [15] Liên Hợp Quốc. (2018). *Mục tiêu phát triển bền vững 6: Báo cáo tổng hợp năm 2018 về nước và vệ sinh môi trường*. Liên Hợp Quốc.